

Số: 304/BC-MNPT

Tam Nông, ngày 24 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
(Theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)
Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: TRƯỜNG MẦM NON PHÚ THỌ.

2. Địa chỉ: Ấp Phú Thọ B, xã Phú Thọ, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Số điện thoại: 0277 3979331.

- Địa chỉ thư điện tử: mnphutho.tamnong@dongthap.edu.vn

- Địa chỉ cổng thông tin điện tử: <http://mnphutho.pgdtamnong.edu.vn>

- Website: <http://mnphutho.pgdtamnong.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

4.1. Sứ mạng

Tạo dựng được môi trường giáo dục có nền nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao, để mỗi trẻ em đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân. Xây dựng trường học có tính kỉ luật lao động cao, biết đoàn kết thương yêu hỗ trợ nhau, biết được nhiệm vụ của mỗi cá nhân để tư duy, sáng tạo, làm việc có hiệu quả, trung thực, khách quan trong việc thực thi nhiệm vụ.

4.2. Tầm nhìn

Trường mầm non Phú Thọ phấn đấu là một ngôi trường thân thiện, chất lượng và hiệu quả, có đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị đầy đủ đảm bảo cho giáo viên và trẻ. Là nơi được các bậc cha mẹ trẻ tin tưởng gửi con em vào học tập, trẻ có những kỹ năng cơ bản bước vào lớp Một.

4.3. Mục tiêu

- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của địa phương, đất nước và thời đại.

- Phấn đấu đến năm 2030, Trường mầm non Phú Thọ đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, nằm trong nhóm những trường mầm non có chất lượng cao của huyện.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường mầm non Phú Thọ được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1997. Trường mầm non Phú Thọ mới thành lập trường mang tên là Trường Mẫu

giáo Phú Thọ, tháng 01/2021 đổi tên thành Trường mầm non Phú Thọ theo Quyết định số 46/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 01 năm 2021.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, UBND huyện, Đảng ủy - UBND xã Phú Thọ. Đặc biệt nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Phòng GDĐT huyện Tam Nông với sự quan tâm kết hợp chặt chẽ của Ban đại diện cha mẹ trẻ em cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, giáo viên và nhân viên trong trường nên công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ từng bước được nâng cao. Đến nay trường thuộc hạng I gồm 09 lớp với 263 trẻ; toàn trường có 24 người, trong đó cán bộ quản lý: 03, giáo viên: 14, nhân viên: 07. Trình độ chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt trên chuẩn cao. Tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác, luôn cố gắng hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: Trần Thị Thuý Kiều.
- Chức vụ: Hiệu trưởng.
- Địa chỉ nơi làm việc: Ấp Phú Thọ B, xã Phú Thọ, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.
- Số điện thoại: 0919390717.
- Địa chỉ thư điện tử: kieutran2505@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

- Quyết định số 116/QĐ-PGDĐT ngày 14 tháng 9 năm 2024 của Trưởng phòng Giáo dục Đào tạo (GDĐT) huyện Tam Nông về việc bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường Trường mầm non Phú Thọ, nhiệm kỳ 2021- 2026.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh trong hội đồng trường
1	Trần Thị Thuý Kiều	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Lê Thị Thuý Vân	Chủ tịch công đoàn	Thành viên
3	Phạm Thị Tuyết Nhi	Bí thư chi đoàn	Thành viên
4	Trần Thị Nguyên	Tổ trưởng tổ Lá	Thành viên
5	Nguyễn Nông Thụy Kim Ngoan	Tổ trưởng tổ Chồi	Thành viên
6	Nguyễn Thị Kim Cương	Tổ trưởng Nhà trẻ - Mầm	Thành viên

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh trong hội đồng trường
7	Tăng Thị Thanh Trúc	Tổ trưởng tổ văn phòng	Thành viên
8	Ngô Thị Mai	Công chức văn phòng thống kê xã Phú Thọ	Thành viên
9	Nguyễn Thành Trường	Trưởng BDD CMTE của trường	Thành viên

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường;

- Quyết định số 760/QĐ-UBND-TTCB ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Trưởng UBND huyện Tam Nông về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường mầm non Phú Thọ.

- Quyết định số 762/QĐ-UBND-TTCB ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Trưởng UBND huyện Tam Nông về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường mầm non Phú Thọ.

- Quyết định số 960/QĐ-UBND-TTCB ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Chủ tịch UBND huyện Tam Nông về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường mầm non Phú Thọ.

c) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Email - Điện thoại
1	Trần Thị Thuý Kiều	Hiệu trưởng	kieutran2505@gmail.com 0919390717
2	Trần Thị Cẩm Loan	Phó Hiệu trưởng	camloantran86@gmail.com 0794334466
3	Lê Thị Thuý Vân	Phó Hiệu trưởng	thuyvangdmn@gmail.com 0868526524

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của nhà trường; quy chế dân chủ ở cơ sở; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; các quy định, quy chế nội bộ.

Kế hoạch chiến lược; quy chế dân chủ; Nghị quyết Hội đồng trường; quy định quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; các kế hoạch triển khai thực hiện công tác giáo dục đều được công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường tại địa chỉ: <http://mnpthutho.pgdtamnung.edu.vn>

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Chuẩn nghề nghiệp	
			ThS	ĐH	CĐ	TC	Khác	Tốt	Khá
1	Cán bộ quản lý	3							
1.1	Hiệu trưởng	1		1					
1.2	Phó hiệu trưởng	2		2					
2	Giáo viên	13		12	1				
3	Nhân viên	7							
1	Văn thư - Thủ quỹ								
2	NV Kế toán	1		1					
3	NV Y tế	1				1			
4	NV Thư viện								
5	NV Bảo vệ	1					1		
6	NV Phục vụ	1					1		
7	NV Nấu ăn	3							

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có tổng diện tích đất là 1.666,5m² bình quân/1trẻ: 6,33m², diện tích đất bình quân/trẻ vượt mức quy định. Trường có đủ khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập, khối phòng tổ chức ăn cho trẻ đảm bảo đạt chuẩn cơ sở vật chất Mức độ 1 theo Thông tư 13/2020/TT- BGDĐT ngày 26/5/2020. Các lớp học sạch sẽ, trang trí sáng đẹp có đồ dùng, đồ chơi thiết bị dạy học đạt trên 90% đồ dùng theo danh mục tối thiểu, có đủ nhà vệ sinh phục vụ.

2. Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Số liệu	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	9	9	
1	Phòng kiên cố	7	7	
2	Phòng bán kiên cố	2	2	
3	Phòng tạm	0	0	
II	Khối phòng phục vụ học tập	0	0	
1	Phòng kiên cố	0	0	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị	1	1	
1	Phòng kiên cố	1	1	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	0		
V	Khối phụ trợ	1	1	
1	Phòng kiên cố	1	1	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	
Cộng		12	12	

3. Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	743/9 lớp	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	743	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	242	

4. Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân			
1	Tổng số đồ chơi ngoài trời	06	Số bộ/sân chơi (trường)			
2	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	05				
3	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	40/9 lớp	Số thiết bị/nhóm (lớp)			
1	...					
		Số lượng(m ²)				
4	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	0		5	0,2	0
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		12		0,12	

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..		

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Nhà trường có thực hiện tự đánh giá và xây dựng kế hoạch cải tiến hàng năm theo quy định.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

Chưa thực hiện được do trường đang trong lộ trình xây mới hoàn thành vào tháng 11 năm 2025.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:

1. Tổng số trẻ em: 289; tổng số nhóm, lớp: 09; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp: 32,11/1 nhóm, lớp.

2. Số trẻ em học nhóm, lớp ghép (nếu có): 54.

3. Số trẻ em học 02 buổi/ngày: 84.

4. Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú: 205.

5. Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ: 289.

6. Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi: 135/135 trẻ, tỷ lệ đạt 100%. Xã Phú Thọ được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp công nhận duy trì đạt chuẩn Phổ cập trẻ em 5 tuổi vào tháng 4/2024 (Quyết định số 283/QĐ-UBND-HC ngày 08/4/2024)

7. Số trẻ em khuyết tật: 0

8. Thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe

- Nhà trường có phân công nhân viên phụ trách y tế trường học thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định, bảo đảm 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới.

- Thực hiện nghiêm túc Công văn số 97/UBND-THVX ngày 08 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Tháp về tăng cường công tác nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em tại cơ sở GDMN trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và Công văn số 384/UBND-VX ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông về việc tăng cường công tác nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em tại các trường mầm non trên địa bàn huyện Tam Nông; phối hợp với ngành y tế bảo đảm an toàn thực phẩm (ATTP) trong nhà trường theo quy định; số bữa ăn đáp ứng nhu cầu khuyến nghị, phân bố bữa ăn phù hợp với từng độ tuổi, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, thời gian tổ chức ăn cho trẻ thực hiện theo lịch sinh hoạt hằng ngày bảo đảm đúng quy định tại Chương trình GDMN; có phối hợp Ban đại diện Cha mẹ trẻ em thường xuyên kiểm tra công tác chế

biển, tiếp phẩm, giờ ăn của nhằm bảo đảm chất lượng bữa ăn và ATTP. Thực hiện tốt khẩu phần dinh dưỡng cho trẻ và kết hợp tổ chức các hoạt động thể lực cho trẻ theo hướng dẫn của Bộ GDĐT tại Quyết định số 2195/QĐ-BGDĐT ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Bộ GDĐT về việc phê duyệt hướng dẫn công tác tổ chức bữa ăn học đường kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh trong các cơ sở giáo dục mầm non và Tiểu học.

- Thường xuyên giáo dục trẻ các kỹ năng sống, kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe; lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe, phòng, chống tai nạn thương tích trong thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày phù hợp với điều kiện thực tế.

- Nhà trường thực hiện công tác tuyên truyền và phối hợp với gia đình xây dựng chế độ dinh dưỡng, vận động phù hợp đối với trẻ để phòng chống suy dinh dưỡng và thừa cân, béo phì; đa dạng các hình thức tuyên truyền đến cha mẹ trẻ về chế độ dinh dưỡng cân đối, hợp lý giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần để phòng chống dịch bệnh.

- Nhà trường có xây dựng kế hoạch phục hồi trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì và chỉ đạo cho y tế trường học và giáo viên lớp thường xuyên theo dõi trẻ để có chế độ ăn, tập luyện hợp lý nhằm giúp trẻ phát triển bình thường.

- Đến thời điểm hiện tại tổng số trẻ được khám sức khỏe 289/289; Tỷ lệ: 100%. Trong đó trẻ thừa cân, béo phì: 1/289, tỷ lệ 0,34% (giảm so với đầu năm).

- Nhà trường trường trung tâm y tế kiểm tra việc đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, kết quả trường thực hiện tốt.

- Ngoài ra nhà trường còn phối hợp với trung tâm y tế tuyên truyền cha mẹ trẻ tự nguyện cho trẻ tiêm ngừa vacxin phòng ngừa các dịch bệnh và uống vacxin theo quy định.

9. Đổi mới hoạt động giáo dục

- Nhà trường có xây dựng kế hoạch thực hiện Chủ đề “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm” phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị và chủ động, linh hoạt, sáng tạo gắn kết các tiêu chí của Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, giai đoạn 2021 - 2025” trong thực hiện chủ đề.

- Có xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với tình hình thực tế và phát triển Chương trình GDMN nhà trường trên cơ sở Chương trình do Bộ GDĐT ban hành nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; có chủ động phối hợp, liên kết với các tổ chức, cá nhân và gia đình của trẻ theo quy định.

- Thực hiện các giải pháp bảo đảm chất lượng giáo dục công bằng, hoà nhập, quan tâm trẻ cá biệt, có hoàn cảnh khó khăn, bảo đảm các chế độ chính sách cho trẻ kịp thời.

- Có xây dựng kế hoạch phối hợp giữa nhà trường với gia đình, các đoàn thể, tổ chức xã hội trong nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; tổ chức các hoạt động chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp Một như cho trẻ tham quan trường tiểu học,...đáp ứng yêu cầu liên thông với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Duy trì và thực hiện có hiệu quả Chương trình “Tôi yêu Việt Nam”; đẩy mạnh giáo dục kỹ năng sống xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trong nhà trường gắn với thực hiện Chiến lược Quốc gia tăng trưởng xanh của Bộ GDĐT.

- Tham gia tập huấn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục quyền con người nhằm tạo sự chuyển biến trong nhận thức của đội ngũ CBQL, GVMN về tầm quan trọng, ý thức bảo vệ quyền của trẻ em; tôn trọng nhân phẩm, các quyền và tự do của người khác và của trẻ em, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền trẻ em trong nhà trường.

- Thực hiện phối hợp với Công ty Giáo dục kiến tạo Anh Việt tham mưu quản lí, đảm bảo chất lượng triển khai cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh trong các trường mầm non theo quy định tại Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT và các văn bản Bộ GDĐT đã ban hành.

- Trẻ được đánh giá đạt 120 chỉ số theo bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi 113/113 trẻ, tỷ lệ 100%.

- Số trẻ Hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi năm học 2023 - 2024 là 113/113 trẻ, tỷ lệ 100%.

- Tổng trẻ được khen thưởng hoàn thành xuất sắc năm học 2023 - 2024 là 27 trẻ.

- Tổng trẻ được khen thưởng chăm ngoan, học giỏi năm học 2023 - 2024 là 66 trẻ.

- Hỗ trợ bồi dưỡng 03 giáo viên tham gia tốt Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện đạt 3/3 giáo viên, tỷ lệ 100%.

- Tổ chức tốt Hội thi của bé cấp cơ sở. Tham gia tốt Hội thi của bé cấp huyện đạt kết quả: Bé vui giao thông đạt giải Ba; Bé khéo tay 3 thể loại vẽ, nặn, xe dán đạt giải khuyến khích.

TT	Nội dung	Năm học 2023 - 2024
1	Tổng số trẻ em	289
	Tổng số nhóm, lớp	9
	Số trẻ em tính bình quân/nhóm	32,11
2	Số trẻ em học nhóm, lớp ghép (nếu có)	54
3	Học 2 buổi/ngày	84

TT	Nội dung	Năm học 2023 - 2024
4	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	205
5	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	- Tổng số trẻ: 289 - Kết quả: BT: 288 trẻ, Béo phì: 01 - Tỷ lệ suy dinh dưỡng trong trường học: 0
6	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi;	135/135
7	Số trẻ em khuyết tật	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo 2024	Năm trước liền kề năm báo cáo
I	NGUỒN KINH PHÍ		
1	Ngân sách Nhà nước	3.315.702.000	3.319.819.550
2	Học phí, lệ phí từ người học	242.000.000	30.952.500
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
4	Thu khác	0	0
II	LOẠI HOẠT ĐỘNG		
1	Giáo dục đào tạo	x	x
2	Khoa học công nghệ		
3	Hoạt động khác		

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo 2024 (thời điểm 30/9/2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo
	Tổng cộng	2.274.211.011	3.319.819.550
I	Chi lương, thu nhập	1.702.333.178	2.527.275.515
1	Chi lương, phụ cấp lương, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất lương	1.702.333.178	2.527.275.515
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	538.761.666	700.147.035
1	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	48.100.000	0
	Tiền thưởng (khen thưởng học sinh)	4.500.000	0
1	Chi thanh toán dịch vụ công cộng	36.572.643	50.789.991
2	Vật tư văn phòng	57.323.400	31.422.000
3	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	3.248.005	4.191.006
	Hội nghị	3.845.000	
4	Công tác phí	10.850.000	16.900.000
5	Chi phí thuê mướn	34.200.000	66.216.600
6	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	118.801.216	112.337.220
7	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	50.192.000	14.300.000
8	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	171.129.402	403.990.218
III	Chi hỗ trợ người học	10.375.000	64.982.500
1	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học (Tiền ăn trưa và hỗ trợ học phí cho trẻ theo Nghị quyết 32/2023/NQ-HĐND)	8.800.000	54.357.500
2	Chi khác (Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ)	1.575.000	2.625.000
3	Chi phí thuê mướn (Thuê đào tạo lại cán bộ)	0	8.000.000
IV	Chi khác	22.741.167	27.414.500
1	Chi khác	22.741.167	27.414.500

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển

TT	Nội dung	Năm học 2023 – 2024		Năm học 2024 - 2025	
		Mức thu	Căn cứ	Dự kiến mức thu	Căn cứ
1	Học phí	35.000 đồng/trẻ/tháng	NQ số 04/2024/NQ- HĐND ngày 21/3/2024	35.000 đồng/trẻ/tháng (trừ trẻ mẫu giáo 5 tuổi)	NQ số 14/2024/N Q-HĐND ngày 07/10/2024
2	Tiền ăn bán trú	- Nhà trẻ: 22.000đ/trẻ/ngày - Mẫu giáo: 24.000đ/trẻ/ngày	NQ số 20/2022/NQ- HĐND ngày 29/9/2022	- Nhà trẻ: 25.000đ/trẻ/ngày - Mẫu giáo: 25.000đ/trẻ/ngày	NQ số 20/2022/N Q-HĐND ngày 29/9/2022
3	Quản lý thu và kiểm tra	800đ/trẻ/ngày	CV số 1683/SGĐĐT- STC ngày 10/11/2022	1.000đ/trẻ/ngày	CV số 1683/SGD ĐT-STC ngày 10/11/2022 ; CV số 1396/SGD ĐT-KHTC ngày 26/8/2024
4	Mua đồ dùng thiết yếu	68.000đ/trẻ/tháng	NQ số 20/2022/NQ- HĐND ngày 29/9/2022	60.000đ/trẻ/tháng	NQ số 20/2022/N Q-HĐND ngày 29/9/2022
5	Quản lý chăm sóc trẻ buổi trưa	6.200đ/trẻ/ngày	NQ số 20/2022/NQ- HĐND ngày 29/9/2022	8.000đ/trẻ/ngày	NQ số 20/2022/N Q-HĐND ngày 29/9/2022
6	Thuê người nấu ăn	40.000đ/trẻ/tháng	NQ số 20/2022/NQ- HĐND ngày 29/9/2022	64.000/trẻ/tháng	NQ số 20/2022/N Q-HĐND ngày 29/9/2022
7	Tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo	95.000đ/trẻ/tháng	NQ số 20/2022/NQ- HĐND ngày 29/9/2022	95.000/trẻ/tháng	NQ số 20/2022/N Q-HĐND ngày 29/9/2022

8	Tổ chức các hoạt động ngoài giờ chính khoá (Giáo dục thể chất - Earobic)	80.000đ/trẻ/tháng	NQ số 20/2022/NQ-HĐND ngày 29/9/2022	90.000/trẻ/tháng	NQ số 20/2022/NQ-HĐND ngày 29/9/2022
---	--	-------------------	--------------------------------------	------------------	--------------------------------------

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học

Nhà trường thực hiện chính sách miễn giảm học phí cho học sinh theo nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

- Năm học 2023 - 2024:

+ Chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập: Học kỳ I nhà trường có 12 trẻ được miễn học phí, hỗ trợ chi phí học tập; 6 trẻ được giảm 50% học phí, tổng số kinh phí thực hiện 8.912.500 đồng; Học kỳ II có 07 trẻ được miễn học phí, 04 trẻ được giảm 50% học phí, tổng số kinh phí thực hiện 6.825.000 đồng.

+ Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3, 4, 5 tuổi: Nhà trường có 29 trẻ được hỗ trợ tiền ăn trưa, tổng số kinh phí thực hiện 19.840.000 đồng

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): Không.

5. Các nội dung công khai tài chính khác: Thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Việc triển khai thực hiện các chuyên đề trong năm học

- Thực hiện phát triển chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế, nhóm lớp, bối cảnh địa phương và khả năng của trẻ.

- Giáo viên trong lớp lồng ghép nội dung học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh vào trong các hoạt động cho phù hợp.

- Tất cả trẻ được giáo dục lễ giáo và giáo dục kỹ năng sống ở mọi lúc, mọi nơi.

- Giáo viên trong lớp thực hiện tốt lồng ghép nội dung quyền con người, quyền trẻ em vào trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

- Giáo viên trong lớp lồng ghép nội dung “Xây dựng trường mầm non xanh-an toàn- thân thiện” và quá trình nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ.

- Giáo viên thực hiện tốt lồng ghép Chương trình “Tôi yêu Việt Nam”, STEM, STEAM vào trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

- Giáo viên trong lớp thực hiện tốt chủ đề năm học “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc” và tiến tới xây dựng lớp học hạnh phúc phù hợp với điều kiện nhóm lớp và quá trình nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ.

- Giáo viên thực hiện tốt các chuyên đề “Lấy trẻ làm trung tâm trong giai đoạn 2022 - 2025” Thực hiện tốt kế hoạch chuyên đề xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm của nhà trường năm học 2024 - 2025. Tạo mọi trường mở cho trẻ tham gia trải nghiệm khám phá, lồng ghép nội dung, tiêu chí xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm vào các hoạt động hàng ngày, phối hợp với cha mẹ trẻ chuẩn bị các nguyên vật liệu mở, phù hợp với trẻ để cho trẻ vui chơi trải nghiệm, chăm sóc sức khỏe cho trẻ, tổ chức các buổi hoạt động trải nghiệm cuối chủ đề cho trẻ được giao lưu cùng với các bạn.

- Giáo viên lồng ghép xây dựng và tổ chức các hoạt động ứng phó khẩn cấp với thiên tai, dịch bệnh phù hợp với tình hình thực tế điều kiện kinh tế của địa phương của nhà trường, của gia đình trẻ, của lớp và của trẻ.

- Giáo viên thực hiện nâng cao chất lượng giáo dục phát triển vận động cho trẻ trong trường mầm non.

- Giáo viên thực hiện xây dựng kế hoạch, đánh giá trẻ theo Mục tiêu phát triển của trẻ theo từng chủ đề, phòng chống tai nạn thương tích vào kế hoạch hàng ngày theo thực tế của lớp.

- Phối hợp với cha mẹ trẻ cho trẻ làm quen tiếng Anh và phối hợp chặt chẽ với Công ty TNHH Education Solutions Việt Nam (Đại trường Phát) tổ chức.

- Tổ chức Hội thi của bé cấp cơ sở và hỗ trợ trẻ tham gia Hội thi của bé các cấp.

- Tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp cơ sở.

- Tổ chức tạo môi trường bên trong, bên ngoài lớp học theo hướng tiếp cận STEM, lấy trẻ làm trung tâm.

2. Công tác phát triển đảng trong nhà trường

- Trong năm học 2023 - 2024 giới thiệu chi bộ kết nạp được 02 giáo viên vào hàng ngũ của Đảng.

- Trong năm học 2024 -2025 tiếp tục bồi dưỡng giới thiệu giáo viên, nhân viên có đủ điều kiện tham gia vào hàng ngũ của Đảng. Hiện tại có 01 giáo viên đã học xong lớp cảm tình đảng.

3. Giáo viên dạy giỏi cấp huyện, tỉnh

Hỗ trợ bồi dưỡng 03 giáo viên tham gia tốt Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện đạt 3/3 giáo viên, tỷ lệ 100%.

4. Có sáng kiến của cán bộ quản lý, giáo viên đạt cấp cơ sở trở lên

Trong năm học 2023 - 2024 có 07 sáng kiến được công nhận tại Quyết định số 697/QĐ-UBND-KT ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện

Tam Nông về việc công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến huyện Tam Nông trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo năm 2024;

5. Công tác tổ chức - cán bộ

- Phân công, tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên tham gia tập huấn, bồi dưỡng nhằm tăng cường năng lực.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với cán bộ, viên chức, người lao động.

6. Công tác kế hoạch - tài chính, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện

- Nhà trường có xây dựng Kế hoạch số 198/KH-MNPT ngày 04/9/2024 của Trường mầm non Phú Thọ về việc thực hiện công khai các hoạt động của Trường mầm non Phú Thọ theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024; Kế hoạch số 288/KH-MNPT ngày 16/9/2024 của Trường mầm non Phú Thọ về quản lý tài chính, tài sản năm học 2024 - 2025;

- Quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả, công khai.

7. Kết quả thực hiện chuyển đổi số trong dạy học và quản lý giáo dục

- Đơn vị đã cập nhật, bổ sung thông tin về trường lớp, đội ngũ, trẻ trên cơ sở dữ liệu ngành, hệ thống quản lý vn.edu; triển khai thực hiện hồ sơ điện tử;

- Quán triệt, tuyên truyền các nội dung về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, luật an ninh mạng, các văn bản hướng dẫn về sử dụng mạng an toàn, đảm bảo an ninh, an toàn trong dạy học trực tuyến...

- Tăng cường các điều kiện vật chất phục vụ công tác chuyển đổi số như máy tính, mạng internet có dây và không dây, các phần mềm ứng dụng trong quản lý và chăm sóc, giáo dục trẻ.

8. Công tác kiểm tra nội bộ

Nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra đúng quy trình, trọng tâm, trọng điểm. Đã kiểm tra nhiệm vụ giáo viên 09 giáo viên, kiểm tra 03 tổ chuyên môn với 6 lượt. Bên cạnh đó còn kiểm tra các nội dung.

+ Kiểm tra nhiệm vụ của nhân viên nấu ăn: 2 lượt.

+ Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ nhân viên bảo vệ: 2 lượt.

+ Kiểm tra các quy định đảm bảo an toàn trường học, phòng chống cháy nổ: 2 lượt.

+ Kiểm tra việc trang trí lớp - nề nếp học tập, vệ sinh nhóm, lớp: 1 lượt.

+ Kiểm tra việc thực hiện hồ sơ sổ sách của giáo viên theo Điều lệ trường Mầm non: 4 lượt.

+ Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ y tế trường học: 2 lượt.

+ Kiểm tra thực hiện giáo dục lễ giáo và kỹ năng sống cho trẻ: 1 lượt.

+ Kiểm tra thực hiện công tác phòng chống tham nhũng, giải quyết khiếu nại tố cáo: 2 lượt.

+ Kiểm tra nhiệm vụ nhân viên văn thư, hành chính: 2 lượt.

+ Kiểm tra việc mua sắm, quản lý và khai thác sử dụng thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi: 1 lượt.

+ Kiểm tra thực hiện công khai trong lĩnh vực giáo dục: 2 lượt.

+ Kiểm tra nhiệm vụ Tổ trưởng văn phòng: 1 lượt.

+ Kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ: 2 lượt.

+ Kiểm tra nhiệm vụ kế toán quản lý tài chính, tài sản: 1 lượt.

Các cuộc kiểm tra đạt tỉ lệ 100%.

9. Công tác thi đua - khen thưởng

- Phát động và thực hiện các phong trào thi đua trong năm học gắn với các chủ điểm. Tổng kết, khen thưởng kịp thời cá nhân, tập thể đạt thành tích, tạo sự động viên, khích lệ đối với đội ngũ và trẻ.

- Năm học 2023 - 2024 danh hiệu Lao động tiên tiến 11 viên chức và người lao động, danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 07 viên chức; tập thể Lao động tiên tiến.

Trên đây là báo cáo công khai thường niên năm 2024 của Trường mầm non Phú Thọ./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT;
- CBQL, GV, NV;
- Hồ sơ công khai;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thuý Kiều